TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2019/HNGĐ-PT
Ngày: 08/10/2019
V/v: Tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Công Bình;

Các Thẩm phán: 1. Bà Lưu Thị Thu Hường;

2. Bà Đinh Thị Tuyết.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Vấn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk: Ông Ngụ Văn Minh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 08 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 32/2019/TLPT-HNGĐ ngày 21/8/2019, về việc "Tranh chấp về nuôi con". Do Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 10/2019/HNGĐ-ST ngày 03/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2019/QĐXX-PT ngày 09/9/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2019/QĐ-PT ngày 24/9/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1978; địa chỉ: Thôn M, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt và đã có đơn xin vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm: 1979; địa chỉ: Thôn M, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

3. Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn H, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về yêu cầu khởi kiện theo đơn khởi kiện và theo trình bày của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T có nội dung như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn H là vợ chồng có đăng ký kết hôn vào ngày 01/01/2003 tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn vợ chồng chuyển vào sinh sống tại thôn M, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian, đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp nhau nên thường xuyên xảy ra cãi nhau, mâu thuẫn vợ chồng kéo dài và ngày càng trầm

trọng và vợ chồng đã sống ly thân nhau từ năm 2017 cho đến nay. Bà T xác định, hiện nay mâu thuẫn vợ chồng đã rất trầm trọng, tình cảm không còn và cuộc sống chung không có hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn H.

Về con chung: Quá trình chung sống giữa bà T và ông H có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Mỹ D, sinh ngày 17/02/2003 và cháu Nguyễn Tuấn H1, sinh ngày 01/01/2006. Bà T xác định bà làm nghề giáo viên, công việc và thu nhập ổn định, nên có đủ điều kiện, thời gian chăm sóc và nuôi dưỡng con chung, còn ông H công việc và thu nhập không ổn định, không có thời gian để chăm sóc cho con, đồng thời nguyện vọng của cả hai con chung đều muốn được ở cùng với mẹ và từ khi hai vợ chồng sống ly thân nhau cho đến nay thì cả hai con chung đều do bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và các cháu đều phát triển bình thường, ổn định. Do đó bà T có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai con chung cho đến khi các cháu trưởng thành và yêu cầu ông Nguyễn Văn H cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Về tài sản: Bà T không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Văn H trình bày có nội dung như sau:

Ông H xác định về quan hệ hôn nhân và con chung của hai vợ chồng như bà T trình bày là đúng. Tuy nhiên về nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do vấn đề về kinh tế, công việc vợ chồng làm ăn thua lỗ và bà T có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác nên dẫn đến vợ chồng thường xảy ra cãi cọ, mâu thuẫn và cuộc sống gia đình không có hạnh phúc. Hiện nay vợ chồng không còn tình cảm, không có sự quan tâm chia sẻ với nhau và đang sống ly thân nhau.

Về con chung: Trường hợp Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn thì ông H có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng các con chung là cháu Nguyễn Thị Mỹ D, sinh ngày 17/02/2003 và cháu Nguyễn Tuấn H1, sinh ngày 01/01/2006 đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Ông H thống nhất với ý kiến của bà T là không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 10/2019/HNGĐ-ST ngày 03/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

- Căn cứ khoản 2 Điều 5, khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 144; 147; 203; 220; 235; 244; 266 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản1Điều 56, Điều 58, Điều 107, Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH12 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của bà Nguyễn Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T. Tuyên bố bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Văn H.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Thị Mỹ D, sinh ngày 17/02/2003 và cháu Nguyễn Tuấn H1, sinh ngày 01/01/2006 cho bà Nguyễn Thị T nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (tròn 18 tuổi). Ông Nguyễn Văn H có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Nguyễn Văn H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung số tiền là 994.000 đồng/người/tháng. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

4. Về tài sản: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 15/7/2019 bị đơn ông Nguyễn Văn H có đơn kháng cáo, với nội dung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết cho ông H được quyền nuôi dưỡng cả hai con chung hoặc cháu Nguyễn Tuấn H1, sinh ngày 01/01/2006 và không yêu cầu bà Nguyễn Thị T cấp dưỡng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông Nguyễn Văn H vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa trình bày ý kiến xác định: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Các cháu Nguyễn Thị Mỹ D và Nguyễn Tuấn H1 đều có nguyên vọng sống cùng với mẹ nếu bố mẹ ly hôn; bà T là giáo viên, có công việc, thu nhập ổn định và có thời gian để chăm sóc con chung, trong khi ông Nguyễn Văn H hiện nay công việc và thu nhập không ổn định; đồng thời kể từ khi vợ chồng sống ly thân nhau đến nay thì cả hai con chung đều do bà T nuôi dưỡng và các cháu đều phát triển tốt về mọi mặt, nên bản án sơ thẩm giao các cháu Nguyễn Thị Mỹ D, sinh ngày 17/02/2003 và cháu Nguyễn Tuấn H1, sinh ngày 01/01/2006 cho bà Nguyễn Thị T nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành là phù hợp. Do đó kháng cáo của ông Nguyễn Văn H về phần con chung là không có cơ sở chấp nhận. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn H, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 10/2019/HNGĐ-ST ngày 03/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk về phần con chung. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu,

chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đối với yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn H, Hội đồng xét xử xét thấy: Giữa bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn H có 02 người con chung là cháu Nguyễn Thị Mỹ D, sinh ngày 17/02/2003 và cháu Nguyễn Tuấn H1, sinh ngày 01/01/2006, hiện nay cả 02 con chung đều chưa thành niên. Cha mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên và việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung chưa thành niên sau khi ly hôn là quyền, nghĩa vụ của cha mẹ, khi xem xét giao con chung cho cha hoặc mẹ nuôi dưỡng, cần phải xem xét đến quyền lợi của các con, cũng như điều kiện hoàn cảnh của cha mẹ và nguyện vọng của con chung. Đối với bà T là giáo viên, có thu nhập hàng tháng ổn định và có thời gian cũng như điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung; kể từ khi bà T và ông H sống ly thân nhau cho đến nay thì cả hai con chung đều do bà T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và các con chung đều được chăm sóc, học hành ổn định và phát triển bình thường về mọi mặt, đồng thời cả hai con chung đều có nguyện vọng xin được ở với mẹ. Còn ông Nguyễn Văn H hiện nay làm nghề buôn bán, lao động tự do, thu nhập không ổn định và thường xuyên vắng nhà, nên hạn chế về điều kiện và thời gian chăm sóc con chung, ông H cho rằng bà T có lối sống không chuẩn mực nên sẽ ảnh hưởng đến các con chung, nhưng ông H không cung cấp được chứng cứ xác thực để chứng minh.

Như vậy, bản án sơ thẩm đã giao con chung là cháu Nguyễn Thị Mỹ D, sinh ngày 17/02/2003 và cháu Nguyễn Tuấn H1, sinh ngày 01/01/2006 cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, là đã xem xét, cân nhắc về điều kiện kinh tế, hoàn cảnh thực tế của các bên, nhằm để đảm bảo được quyền lợi, sự phát triển bình thường về mọi mặt của các con chung và phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, việc ông Nguyễn Văn H kháng cáo yêu cầu giao cả hai con chung hoặc giao cháu Nguyễn Tuấn H1, sinh ngày 01/01/2006 cho ông H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi thành niên, là không có cơ sở chấp nhận, nên Hội đồng xét xử cần giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần nuôi con chung, là phù hợp.

[2] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bản án sơ thẩm buộc ông Nguyễn Văn H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, mỗi con chung với số tiền là 994.000/tháng. Ông H không có ý kiến gì về mức cấp dưỡng nuôi con chung; sau khi xét xử sơ thẩm bà T không có kháng cáo về phần mức cấp dưỡng, nhưng tại đơn xin vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm, bà T lại yêu cầu ông H phải cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.500.000đồng/tháng, là không có cơ sở để xem xét, đồng thời mức cấp dưỡng nuôi con như bản án sơ thẩm đã quyết định là phù hợp, nên Hội đồng xét xử cần giữ nguyên phần cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên ông Nguyễn Văn H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, nên Hội đồng xét xử không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; áp dụng: Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn H; giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 10/2019/HNGĐ-ST ngày 03/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk, về phần con chung.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T.

1. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Thị Mỹ D, sinh ngày 17/02/2003 và cháu Nguyễn Tuấn H1, sinh ngày 01/01/2006 cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con chung đủ tuổi thành niên (tròn 18 tuổi).

Ông Nguyễn Văn H có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

2. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Nguyễn Văn H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Nguyễn Thị Mỹ D, sinh ngày 17/02/2003 và cháu Nguyễn Tuấn H1, sinh ngày 01/01/2006, mỗi con chung là 994.000 đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

3. Về án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng mà ông H đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0014648 ngày 23/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận
- *TAND Tối Cao;*
- *TAND cấp cao tại Đà Nẵng*;
- *VKSND tỉnh Đắk Lắk;*
- *TAND huyện Cư Kuin;*
- *THADS huyện C;*
- *Đương sự;*
- *Lưu.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trương Công Bình